

Số: 13/2023/QĐST-HNGĐ

Trà Ôn, ngày 17 tháng 01 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 448/2022/TLST- HNGĐ ngày 21 tháng 10 năm 2022, giữa:

- *Nguyên đơn*: Chị **Nguyễn Thị Thu N**, sinh năm 1999.

Địa chỉ cư trú: ấp V, xã V, huyện T, tỉnh Vĩnh Long.

- *Bị đơn*: Anh **Nguyễn Công D**, sinh năm 1992.

Địa chỉ cư trú: ấp M, xã T, huyện T, tỉnh Vĩnh Long.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*: Bà **Nguyễn Thị Hồng T**, sinh năm 1966.

Địa chỉ cư trú: ấp M, xã T, huyện T, tỉnh Vĩnh Long.

Người đại diện hợp pháp của bà Nguyễn Thị Hồng T: Ông **Nguyễn Văn B**, sinh năm 1968.

Địa chỉ cư trú: ấp , xã T, huyện T, tỉnh Vĩnh Long.

Là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền ngày 27/12/2022).

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 58, 81, 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 09 tháng 01 năm 2023.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 09 tháng 01 năm 2023 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Nguyễn Thị Thu N và anh Nguyễn Công D.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Kim C, sinh ngày 04/9/2021 cho chị Nguyễn Thị Thu N trực tiếp nuôi dưỡng. Anh Nguyễn Công D không phải cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

2.2. Về tài sản chung, nợ chung: Tự thỏa thuận, chưa yêu cầu nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

2.3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Thu N phải nộp 150.000đ (*Một trăm năm mươi ngàn đồng*) án phí ly hôn. Khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 1.675.000đ (*Một triệu sáu trăm bảy mươi lăm ngàn đồng*) chị N đã nộp theo biên lai thu số 0014874 ngày 18/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long. Hoàn trả lại cho chị N số tiền chênh lệch 1.525.000đ (*Một triệu năm trăm hai mươi lăm ngàn đồng*).

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Đương sự;
 - Viện kiểm sát nhân dân huyện Trà Ôn;
 - UBND xã T, huyện T, tỉnh Vĩnh Long
- (Giấy chứng nhận kết hôn số 01 ngày 06/01/2021);
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN
(Đã ký)

Nguyễn Thị Thúy An